



ISSN: 1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
TẠP CHÍ KHOA HỌC

KHOA HỌC GIÁO DỤC
Tập 14, Số 10 (2017): 130-140

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE

EDUCATION SCIENCE
Vol. 14, No. 10 (2017): 130-140

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

THỰC TRẠNG VIỆC TỰ HỌC CÁC MÔN LÝ THUYẾT CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Gấm, Lê Vũ Kiều Hoa*

Khoa Giáo dục Thể chất - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 02-6-2016; ngày nhận bài sửa: 11-10-2016; ngày duyệt đăng: 18-10-2017

TÓM TẮT

Căn cứ cơ sở lý luận và thực trạng khảo sát, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quá trình tự học các môn lý thuyết chuyên ngành cho sinh viên (SV) Khoa Giáo dục Thể chất (GDTC) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM), qua đó góp phần cải thiện chất lượng đào tạo chung của Khoa GDTC.

Từ khóa: tự học, giáo dục thể chất, lý thuyết chuyên ngành.

ABSTRACT

The reality of Physical Education students' self-study of specialized theoretical subjects in Ho Chi Minh City University of Education

Based on the rationale and reality survey, the article proposes some measures to enhance the effectiveness of physical education students' self-study of specialized theoretical subjects in Ho Chi Minh city University of Education; through which, enhancing the educational quality of Physical Education department in general.

Keywords: self-study, physical education, specialized theory.

1. Mở đầu

Chương trình đào tạo SV chuyên ngành sư phạm GDTC của Trường ĐHSP TPHCM bao gồm các nội dung lý thuyết và thực hành. Môn học lý thuyết được chia thành hai mảng: Lý thuyết đại cương và lý thuyết chuyên ngành; trong đó, các môn học lý thuyết chuyên ngành là các môn học rất quan trọng, tạo tiền đề vững chắc về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý cho giáo viên, huấn luyện viên TDTT. Thông qua đó, giáo viên, hướng dẫn viên đưa ra các phương pháp bài tập phù hợp với các cấp học, lứa tuổi, giới tính và thể trạng của từng đối tượng tham gia tập luyện TDTT. Với thực tiễn công việc giảng dạy GDTC trong trường học hiện nay, lợi ích từ kiến thức của các môn học lý thuyết chuyên ngành ngày càng giữ vai trò quan trọng.

Quá trình tự học là một hệ thống, trong đó hoạt động học là nhân tố trung tâm và hoạt động tự học là không thể thiếu để đảm bảo cho SV hoàn thành tốt các nhiệm vụ học tập. Tự học giúp SV tiếp thu được lượng kiến thức thông qua hoạt động có người hướng

* Email: thao_nguyen_2209@yahoo.com

dẫn trở nên vững chắc, sâu sắc, tạo cơ sở để vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn (trong lĩnh vực GDTC, vấn đề này càng trở nên cấp thiết) (Lê Khánh Bằng, 1991). Tự học không những giúp SV không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập mà còn giúp nâng cao năng lực, có thói quen và phương pháp tự học suốt đời. Ngoài việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo chương trình, nhờ tự học mà SV còn nâng cao trình độ văn hóa chung cho mình, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong đời sống (Nguyễn Quang Huỳnh, 2006).

Đối với SV Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM, các môn học lí thuyết được xem là các môn khó học, khó tiếp thu. Điều này tạo nên tâm lí ngại học, một số SV không có hứng thú học và có cảm giác căng thẳng khi phải ngồi một chỗ, hoặc học theo kiểu nhồi nhét. Đây cũng do tính chất đặc thù của ngành học là vận động nên gây nhiều khó khăn cho việc học lí thuyết. Vì vậy, kết quả đạt được của các môn lí thuyết là không cao so với các môn thực hành (P. A. Rudich, 1980). Nghiêm trọng hơn là SV không có sự kết hợp hài hòa giữa cơ sở lí luận với các môn học thực hành, không nắm bắt được kiến thức cơ bản để vận dụng vào thực tiễn, điều này ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp giáo dục của đất nước. Vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng tự học các môn lí thuyết chuyên ngành của SV và thông qua đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quá trình tự học môn lí thuyết chuyên ngành cho SV Khoa GDTC là một việc làm có ý nghĩa và cấp thiết.

2. Thực trạng việc tự học các môn lí thuyết chuyên ngành của SV Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM

Để tìm hiểu thực trạng việc tự học các môn lí thuyết chuyên ngành của SV, chúng tôi tiến hành khảo sát 210 SV Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM về các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình tự học, bao gồm: gia đình, bạn bè, nhà trường, bản thân và một số yếu tố khách quan và chủ quan khác ảnh hưởng đến việc tự học của SV.

2.1. Yếu tố gia đình (xem Bảng 1)

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn yếu tố gia đình ảnh hưởng đến việc tự học của SV Khoa GDTC (n=210)

Câu hỏi	Phương án trả lời	Ý kiến	Tỉ lệ %
Ảnh hưởng của gia đình đến học tập như thế nào	Nhiều	90	42,9
	Bình thường	92	43,8
	Ít	28	13,3
Gia đình có thưởng khi đạt kết quả tốt trong học tập không	Có	115	54,8
	Không	95	45,2
Gia đình có phạt khi kết quả học tập kém không	Có	59	28,1
	Không	151	71,9
Bố mẹ có động viên nhắc	Thường xuyên	127	60,5

nhờ bạn học tập không	Thỉnh thoảng	63	30
	Ít khi	20	9,5
Bạn có thường xuyên báo cáo kết quả học tập với gia đình không	Thường xuyên	75	35,7
	Không thường xuyên	135	64,3
Bạn báo cáo có trung thực về kết quả học tập của mình không	Trung thực	55	26,2
	Không trung thực	155	73,8
Gia đình có tạo điều kiện cho bạn học tập tốt không	Rất tốt	92	43,8
	Tốt	78	37,1
	Bình thường	40	19,1
Gia đình chu cấp phí hàng tháng cho bạn như thế nào	Thừa	13	6,2
	Đủ	169	80,5
	Thiếu	28	13,3

Bảng 1 cho thấy yếu tố gia đình luôn gắn chặt với quá trình học tập của SV và có sự ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình tự học và rèn luyện. Yếu tố gia đình còn là động lực thúc đẩy quá trình học tập của SV. Việc tạo điều kiện thuận lợi ví dụ: về mặt tài chính cho SV trong học tập cũng như sinh hoạt (80,5% đủ, và 6,2% thừa, chỉ có 13,3% thiếu), đây là điều kiện để SV dành thời gian cho quá trình tự học của bản thân; về tinh thần, đa số các gia đình thường xuyên nhắc nhở động viên con em trong học tập (chiếm tỉ lệ 60,5%), có quan tâm nhắc nhở nhưng không thường xuyên (chiếm tỉ lệ 30%) và ít khi quan tâm chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp 9.3%. Ngoài ra, sự quan tâm của gia đình còn thể hiện ở sự động viên khích lệ bằng cách khen thưởng khi con em họ đạt kết quả tốt, đa số các gia đình đều có khen thưởng (chiếm tỉ lệ 54,8%).

Tuy nhiên, còn có một số SV chưa ý thức được sự quan trọng của học tập và không có sự đầu tư phù hợp cho quá trình học tập của bản thân, dẫn đến việc SV thiếu dụng cụ, tài liệu trong quá trình học tập. Bên cạnh đó cũng còn không ít những gia đình chưa tạo nên động lực việc học tập và buông lỏng con em mình nên cũng có tác động tiêu cực đến SV.

2.2. Yếu tố bạn bè (xem Bảng 2)

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn yếu tố bạn bè ảnh hưởng tới việc tự học của SV Khoa GDTC (n=210)

Câu hỏi	Phương án trả lời	Ý kiến	Tỉ lệ %
Bạn có nhiều bạn chơi không	Nhiều	115	54,8
	Bình thường	74	35,2
	Ít	21	10
Bạn dành thời gian với bạn để	Trao đổi bài học	29	13,8
	Tập luyện	82	39,1
	Tâm sự	28	13,3
	Khác	71	33,8
Thời gian thăm bạn so với thời gian tự học là	Nhiều	41	19,5
	Bình thường	116	55,2
	Ít	53	25,3
Bạn của bạn chủ yếu ở	Trong khoa	52	24,8
	Trong trường	43	20,5
	Nơi khác	115	54,7
Các bạn của bạn có chăm học không	Chăm học	43	20,5
	Bình thường	149	71
	Không	18	8,5
Bạn có so sánh kết quả học tập của mình với các bạn không	Có	137	65,2
	Không	73	34,8
Bạn của bạn có giúp bạn trong quá trình học các môn thực hành không	Có	182	86,7
	Không	28	13,3
Bạn của bạn có giúp bạn trong quá trình học các môn lí thuyết không	Có	178	84,8
	Không	32	15,2

Bảng 2 cho thấy bạn bè và kết bạn là điều không thể thiếu, 100% SV đều có bạn, trong đó có 54,8% SV có nhiều bạn. Tuy nhiên, quỹ thời gian mà SV dành cho bạn bè về trao đổi bài học và tập luyện chỉ chiếm 13,8% và 39% còn lại là tâm sự và chuyện khác chiếm tỉ lệ khá cao: 13,3% và 33,8%. Từ đó cho thấy SV dành thời gian tiếp xúc với bạn bè không phải vì mục đích là học tập và tập luyện, điều đó gây ảnh hưởng đến quá trình học tập của bản thân SV. Là SV Khoa GDTC nhưng bạn chủ yếu là ở nơi khác chiếm 54,7%, còn lại trong Khoa và trong Trường chiếm tỉ lệ thấp chưa tới 50%. Và khi được hỏi thì chỉ có hơn 20% bạn của SV là chăm học. Điều này cũng khiến cho SV hạn chế khả năng phát huy bản thân trong quá trình học tập các môn học thực hành cũng như các môn lí thuyết. Có hơn 80% bạn bè có sự giúp đỡ trao đổi lẫn nhau trong quá trình học tập cũng

như tập luyện. Vì vậy, yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp thu các bài học một cách hiệu quả hơn, kích thích hứng thú học tập của SV hơn, qua đó cho thấy yếu tố bạn bè cũng ảnh hưởng không nhỏ trong quá trình tự học cũng như rèn luyện của SV.

2.3. Yếu tố nhà trường (xem Bảng 3)

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn yếu tố nhà trường ảnh hưởng đến việc tự học của SV Khoa GDTC (n=210)

Câu hỏi	Phương án trả lời	Ý kiến	Tỉ lệ %
Cơ cấu quản lí học tập của nhà trường	Tốt	104	49,5
	Bình thường	91	43,3
	Chưa tốt	15	7,2
Cơ cấu quản lí sinh hoạt của nhà trường	Tốt	80	38,1
	Bình thường	109	51,9
	Chưa tốt	21	10
Việc tổ chức giáo dục SV của nhà trường hiện nay	Chặt chẽ	81	38,6
	Bình thường	120	51,7
	Buông lỏng	9	4,3
Việc khen thưởng của nhà trường hiện nay	Hợp lí	147	68,1
	Không hợp lí	63	31,9
Việc kỉ luật của nhà trường hiện nay	Hợp lí	139	66,2
	Không hợp lí	71	33,8
Việc thi, kiểm tra các môn thực hành	Chặt chẽ	119	56,7
	Bình thường	87	41,4
	Dễ dãi	4	1,9
Việc thi, kiểm tra các môn lí thuyết	Chặt chẽ	129	61,4
	Bình thường	79	37,6
	Dễ dãi	2	1

Vấn đề tổ chức giáo dục và quản lí SV của trường là một yếu tố cần thiết, giúp SV rèn luyện tính tự giác và có ý thức trong học tập cũng như trong quá trình kiểm tra đánh giá, từ đó hình thành cho SV hình mẫu của người sư phạm. Trong Bảng 3, kết quả khảo sát cho thấy cơ cấu quản lí học tập và cơ cấu quản lí sinh hoạt của SV “Tốt” là dưới 50% còn lại trên 50% SV cho rằng sự quản lí của nhà trường về học tập và sinh hoạt là bình thường và chưa tốt. Như vậy, yếu tố quản lí của nhà trường cũng có những tác động tiêu cực đến ý thức học tập và rèn luyện của SV. Về vấn đề khen thưởng và kỉ luật, hơn 30% SV cho rằng chưa hợp lí tạo nên sự phản ứng tiêu cực đối với SV. Tóm lại, yếu tố quản lí, khen thưởng, thi, kiểm tra của nhà trường vừa có tác động tích cực vừa có những tác động tiêu cực đến quá trình học tập và phấn đấu của SV.

2.4. Yếu tố bản thân (xem Bảng 4)

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn quá trình tự học của bản thân SV Khoa GDTC (n=210)

Câu hỏi	Phương án trả lời	Ý kiến	Tỉ lệ %
Địa điểm sử dụng tự học	Tại nhà	170	81
	Giảng đường	5	2,4
	Thư viện	1	0,4
	Nơi khác	34	16,2
Bạn tự học các môn lí thuyết vào thời gian nào	Trước khi lên lớp	59	28,1
	Sau khi lên lớp về	50	23,8
	Trước thi 1-2 tuần	101	48,1
Bạn dành thời gian tự học cho môn nào nhiều hơn	Thực hành	152	72,4
	Lí thuyết	58	27,6
Bạn có thường xuyên đọc bài mới trước khi lên lớp	Có	75	35,7
	Không	135	64,3
Khi học môn mới có lập kế hoạch học tập không	Có	124	59
	Không	86	41
Bạn có kiểm tra lại kiến thức về môn học	Có	139	66,2
	Không	71	33,8
Sau khi học xong có tổng kết lại kiến thức môn học	Có	143	68,1
	Không	63	31,9
Bạn có ôn bài cũ khi về nhà không	Có	108	51,4
	Không	102	48,6
Bạn có tìm và đọc tài liệu có liên quan môn học	Có	154	73,3
	Không	56	26,7
Tài liệu học tập nghiên cứu của bạn	Đủ	84	40
	Thiếu	126	60
Bạn có đến thư viện không	Thường xuyên	4	2,3
	Thỉnh thoảng	119	56,7
	Chưa bao giờ	87	41
Bạn đến thư viện để làm gì	Đọc	71	57,7
	Học bài	6	4,9
	Mượn sách	46	37,4
Bạn có truy cập internet không	Thường xuyên	162	77
	Thỉnh thoảng	48	23
Bạn truy cập internet để làm gì	Giải trí	102	48,6
	Trao đổi bài học	71	33,8
	Tìm tài liệu	37	17,6
Bạn có hay học nhóm không	Thường xuyên	44	21
	Thỉnh thoảng	159	75,7
	Không học	7	3,3

Bảng 4 cho thấy hầu hết SV đều sử dụng địa điểm tại nhà để tự học chiếm 81%, từ đó cũng cho thấy được những thuận lợi và khó khăn nhất định của SV. Về thời điểm tự học các môn lí thuyết của SV, hầu như SV tổ chức việc tự học trước khi thi 1-2 tuần chiếm 48,1%, còn số SV học trước khi lên lớp là 28,1% và số còn lại học sau khi lên lớp về là 23,8%. Như vậy, có thể khẳng định rằng đa số SV học tập các môn lí thuyết chỉ là đối phó với thi cử và đề qua môn.

Về thời gian dành cho việc tự học các môn lí thuyết so với môn thực hành thì việc tự học các môn thực hành chiếm tỉ lệ cao hơn: 72,4%, trong khi các môn lí thuyết chỉ chiếm 27,6%. Điều đó cho thấy Khoa GDTC là khoa học chủ yếu về các môn vận động nên SV chú tâm nhiều đến các môn học này. Trước khi lên lớp học lí thuyết thì chỉ có 35,7% SV đọc bài trước khi lên lớp, còn lại 64,3% SV không chuẩn bị bài, từ đó cho thấy SV chưa có phương pháp học tập cho bản thân và chưa có kế hoạch cụ thể cho quá trình học tập của mình. Hầu như SV đều không có đủ tài liệu (chiếm 60%) và số SV có đủ tài liệu chỉ chiếm 40%. Như vậy, có thể thấy rằng, SV chưa có sự đầu tư phù hợp cho quá trình học tập của mình.

Số SV thường xuyên đến thư viện chỉ chiếm 2,3%, còn số SV thỉnh thoảng đến thư viện chiếm 56,7% và số còn lại chưa bao giờ đến thư viện chiếm 41%. Phần lớn SV đến thư viện đọc và mượn sách (chiếm 57,7% và 37,4%), còn SV đến thư viện để học bài chỉ chiếm 4,9%, điều này cho thấy SV chưa tận dụng tối đa lợi ích mà thư viện đem lại. Truy cập internet là quan trọng và không thể thiếu, có 100% SV có truy cập internet, trong đó có 77% là thường xuyên và 23% là thỉnh thoảng. Đa số SV truy cập internet để giải trí (chiếm 48,6%) trao đổi bài học và tìm tài liệu là 33,8% và 17,6%, qua đó cho thấy SV ít quan tâm đến học tập không có sự chủ động tìm tòi sáng tạo trong quá trình học tập. Khi được hỏi về việc học nhóm thì tỉ lệ thường xuyên học nhóm chiếm 21%, thỉnh thoảng chiếm 75,7% và 3,3% SV không học nhóm. SV tham gia học nhóm tích cực chiếm tỉ lệ cao: 74,8%, rất tích cực chiếm 16,7%, và còn lại 8,5% SV không tích cực tham gia. Như vậy, việc học nhóm đem lại cho SV hứng thú học tập và trao đổi bài học một cách hiệu quả.

Tóm lại, quá trình tự học của SV là vô cùng quan trọng, cần được quan tâm và khuyến khích, bởi SV chỉ có thể thành công trong học tập, nghiên cứu khoa học bằng quá trình tự học của bản thân.

2.5. Một số yếu tố khách quan và chủ quan khác ảnh hưởng đến việc tự học của SV (xem Bảng 5)

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn các yếu tố khách quan khác có ảnh hưởng đến quá trình tự học của SV Khoa GDTC (n=210)

Câu hỏi	Phương án trả lời	Ý kiến	Tỉ lệ %
Bạn có đi làm thêm không	Có	129	61,4
	Không	81	38,6
Bạn đi làm công việc gì	Phục vụ	36	27,9
	Dạy kèm	20	15,5
	Nghề khác	73	56,6
Chỗ ở hiện nay của bạn	Ngoại trú	178	84,8
	Kí túc xá	32	15,2
Chỗ ở hiện nay của bạn có ảnh hưởng như thế nào đối với việc học tập	Tốt	54	25,7
	Bình thường	135	64,3
	Chưa tốt	21	10
Quan điểm của bạn về kết quả học tập	Quan trọng	178	84,8
	Không quan trọng	32	15,2
Mục đích học tập các môn lí thuyết của bạn	Nâng cao kiến thức chuyên môn	135	64,3
	Qua môn	52	24,8
	Không thua kém bạn bè	12	5,7
	Vì điểm	11	5,2
Bạn có nhận thức đúng về ý nghĩa và tầm quan trọng của các môn lí thuyết chuyên ngành không	Có	183	87,1
	Không	27	12,9
Kết quả học tập các môn lí thuyết so với các môn thực hành	Cao hơn	17	8,1
	Ngang nhau	74	35,2
	Thấp hơn	119	56,7
Bạn thích hình thức thi, kiểm tra các môn lí thuyết là	Tự luận	12	5,7
	Trắc nghiệm	181	86,2
	Vấn đáp	17	8,1
Nếu hình thức thi, kiểm tra là tự luận thì bạn thích hình thức nào	Đề đóng	37	17,6
	Đề mở	173	82,4
Bạn có chú ý nghe giảng, chép bài đầy đủ và xây dựng bài trên lớp không	Có	163	77,6
	Không	47	22,4

Bảng 5 cho thấy SV đi làm thêm chiếm tỉ lệ cao (61,4%) và không đi làm chiếm 38,6%. Công việc phục vụ và dạy kèm chiếm tỉ lệ 27,9% và 15,5%, còn lại 56,6% là nghề khác. Do nhu cầu học tập và sinh hoạt nên đa số SV đi làm thêm, vì vậy cũng hạn chế thời gian dành cho học tập của SV. Số lượng SV ở ngoại trú chiếm 84,8% và kí túc xá chiếm 15,2%. Khi được hỏi về chỗ ở hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đối với việc học tập thì chỉ có 25,7% SV cho là tốt, còn lại bình thường và chưa tốt chiếm tỉ lệ 64,3% và 10%. Từ đó cho thấy chỗ ở của SV cũng có những ảnh hưởng nhất định đến quá trình học tập. Hầu hết SV cho rằng kết quả học tập là quan trọng (84,8%), không quan trọng chiếm 15,2%. Phần lớn SV nhận định việc tự học các môn lí thuyết là nâng cao kiến thức chuyên môn nghề nghiệp (64,3%), có ý kiến cho rằng mục đích học chỉ là qua môn còn lại (24,8%), để không thua kém bạn bè (5,7%) và vì điểm (5,2%). Có 87,1% SV nhận thức đúng vai trò và ý nghĩa của các môn học lí thuyết chuyên ngành, chỉ có 12,9% cho rằng không quan trọng. Điều này cho thấy SV đều nhận ra vai trò quan trọng của các môn lí thuyết chuyên ngành. Khi được hỏi so sánh điểm giữa môn học lí thuyết và thực hành thì điểm môn lí thuyết thấp hơn môn thực hành chiếm 56,7%, ngang nhau chiếm 35,2%, cao hơn chỉ chiếm 8,1%. Con số này cho thấy thực tế SV Khoa GDTC chưa chú trọng việc học tập các môn học lí thuyết. Khi được hỏi về quá trình học tập trên lớp thì có 22,4% số SV không nghe giảng, chép bài và có 40,5% số SV không tích cực xây dựng bài trên lớp. Có 23,8% SV không kiểm soát được quá trình học tập và có 41,4% số SV sẽ dừng quá trình học tập khi gặp khó khăn. Qua đó cho thấy SV rất thụ động trong quá trình học tập của bản thân.

Kết quả phân tích Bảng 5 trên cho thấy phần lớn SV chưa dành nhiều thời gian cho quá trình học tập. Chỗ ở của SV cũng ít nhiều có sự tác động đến quá trình học tập của SV. Phần lớn SV chưa có sự chủ động trong quá trình học tập và trong quá trình thi, kiểm tra.

3. Một số biện pháp đề xuất

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng quá trình tự học, tự nghiên cứu của SV chuyên ngành GDTC Trường ĐHSP TPHCM, chúng tôi đề xuất 6 biện pháp học tập cho SV trong quá trình tự học các môn lí thuyết chuyên ngành nhằm giúp SV có thể đạt được kết quả học tập tốt nhất.

Sáu biện pháp được đề xuất là:

- Xây dựng được động cơ học tập đúng đắn;
- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập một cách khoa học;
- Tổ chức học nhóm, thảo luận nhóm và các buổi học ngoại khóa;
- Tăng cường quá trình tự học đối với bản thân;
- Chủ động tìm tòi, sáng tạo và tham khảo tài liệu có liên quan;
- Tăng cường tự kiểm tra đánh giá học tập của bản thân.

Sau khi tham khảo ý kiến của giáo viên về 6 biện pháp đề xuất, chúng tôi nhận được kết quả như sau (xem Bảng 6)

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn giáo viên về một số biện pháp tự học (n=10)

TT	Các biện pháp	Mức độ ý kiến trả lời		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Xây dựng được động cơ học tập	10 Ý kiến (100%)		
2	Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập	10 Ý kiến (100%)		
3	Tổ chức học nhóm, thảo luận nhóm và các buổi học ngoại khóa	3 Ý kiến (30%)	7 Ý kiến (70%)	
4	Tăng cường quá trình “tự học” đối với bản thân	10 Ý kiến (100%)		
5	Chủ động tìm tòi, sáng tạo và tham khảo các tài liệu có liên quan	3 Ý kiến (30%)	7 Ý kiến (70%)	
6	Tăng cường tự kiểm tra đánh giá học tập của bản thân	3 Ý kiến (30%)	6 Ý kiến (60%)	1 Ý kiến (10%)
7	Ý kiến đóng góp thêm - Thảo luận, nghiên cứu khoa học - Tìm hiểu thêm các kiến thức xã hội, tự nhiên, lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến nội dung bài học để xây dựng hứng thú trong học tập			

Bảng 6 cho thấy với 6 biện pháp đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả và đạt thành tích tốt trong quá trình học tập các môn lí thuyết chuyên ngành cho SV Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM đều nhận được sự ủng hộ và tán thành: trên 50% ý kiến của giáo viên cho là rất quan trọng và quan trọng. Bên cạnh đó cũng có một số ý kiến đóng góp về biện pháp học tập là “Tăng cường thảo luận, nghiên cứu khoa học. Tìm hiểu thêm các kiến thức xã hội, tự nhiên có liên quan, lĩnh vực chuyên môn có liên quan tới nội dung bài học để xây dựng hứng thú trong học tập”.

4. Kết luận

Thực trạng tự học của SV trong quá trình học tập các môn lí thuyết chuyên ngành nói riêng và tất cả các môn học lí thuyết nói chung của SV Khoa GDTC Trường ĐHSP TPHCM còn nhiều bất cập. Thời gian dành cho quá trình học tập lí thuyết và thực hành chưa cân đối và chưa hợp lí. SV chưa có động cơ học tập đúng đắn, phương pháp học tập chưa hợp lí và khoa học.

Căn cứ cơ sở lí luận và thực trạng khảo sát, bài viết cũng đề xuất 6 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quá trình tự học cho SV chuyên ngành Sư phạm GDTC Trường ĐHSP TPHCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Khánh Bằng. (1991). Các phương pháp và biện pháp cải tiến phương pháp dạy học ở Đại học. Tạp chí Khoa học giáo dục, (số 25).
- Nguyễn Quang Huỳnh. (2006). *Một số vấn đề lí luận giáo dục chuyên nghiệp và đổi mới phương pháp dạy học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Kỳ. (1996). *Mô hình dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm*. Hà Nội: Trường Cán bộ Quản lí Giáo dục và Đào tạo.
- Rudich, P. A. (1980). *Tâm lí học*. Hà Nội: NXB Thể dục Thể thao.
- Vũ văn Tảo. (2001). Học và dạy cách học. *Tạp chí Tự học*, số (4).
- Thái Duy Tuyên. (2003). *Dạy tự học cho sinh viên trong các nhà trường cao đẳng đại học chuyên nghiệp*. Chuyên đề Phương pháp dạy học cho học viên cao học. Đại học Huế.